

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2019/HS-ST**
Ngày 29 -11- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sa Quang Phụng

Bà Đinh Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2019/ HSST ngày 15 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. LÒ VĂN E, sinh ngày 19/4/1990 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lò Văn Y, sinh năm 1957 và bà Lò Thị A, sinh năm 1962; có vợ Trần Thị H, sinh năm 1991; có 03 con, con lớn nhất 09 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/10/2019, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái. “Có mặt”.

2. LÒ VĂN H, sinh ngày 08/3/1993 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lò Văn O, sinh năm 1968 và bà Lò Thị I, sinh năm 1972; có vợ Lò Thị M, sinh năm 1999 (đã ly hôn); có 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam ngày 05/10/2019, bị cáo hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái. “Có mặt”

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Bá An B, sinh năm 1984; trú tại: Bản Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. “ Có mặt”.

+ Công ty cổ phần N; địa chỉ: Xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Người người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T – Chức vụ: Phó giám đốc. “ Vắng mặt”.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Chị Hà Thị S, sinh năm 1977; trú tại: Bản L, xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái “ Vắng mặt”.

+ Anh Lương Văn K, sinh năm 1989; trú tại: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái “ Vắng mặt”.

+ Anh Lương Văn T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái “Vắng mặt”.

+ Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái“Vắng mặt”.

+ Anh Lương Văn T, sinh năm 1995, trú tại: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái “Vắng mặt”.

+ Anh Cẩm Ngọc T, sinh năm 1990; trú tại: Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”.

+ Bà Tông Thị Đ, sinh năm 1968; trú tại: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái“Vắng mặt”.

+ Ông Lò Văn O, sinh năm 1969; trú tại: Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. “Có mặt”.

- **Người làm chứng:** Hoàng Văn Q, sinh năm 1979; trú tại: Bản C, T, huyện V, tỉnh Yên Bái “Có mặt”.

- **Người phiên dịch:** Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1974; trú tại: Bản L, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái “ Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17/8/2019 Lò Văn H đi từ thị xã N về xã T, đến cầu mới thủy điện N thì gặp Lò Văn E. Do quen biết nhau nên H dừng xe lại nói chuyện với E, trong khi nói chuyện E rủ H đi trộm cắp sắt của công trường xây dựng đập điều hòa thủy điện P ở Bản C xã T, huyện V. H đồng ý và điều khiển xe mô tô của mình chở E đi, khi đến nhà anh Q thì E và H nhìn thấy 02 bao tải (một bao to, một bao bé) đựng sắt (con sâu cốt pha, loạt sắt phi 8) ở gầm sàn nhà, thấy không có người trông coi nên E và H đã lấy một bao sắt to. E vác bao sắt cho lên xe cùng H trở đến bán cho cửa hàng thu mua phế liệu V của chị Hà Thị S, sinh năm 1977 trú tại Bản L, xã H, cân được 30 kg, bán cho chị S được 200.000 đồng, số tiền trên cả hai bị cáo dùng mua ma túy sử dụng và tiêu sài hết. Sau đó E và Hoàng về nhà bố vợ E ở thôn N, xã P ăn cơm trưa, ăn xong cả hai

tiếp tục đi đến chỗ cũ để trộm cắp sắt, khi đến chỗ đã lấy sắt khi sáng thấy có đông công nhân đang làm việc nên E và H đi qua một đoạn thì phát hiện tại công trường có 01 cục sắt hình tròn, nhiều cạnh, quan sát thấy không có người trông coi nên E và H xuống xe bê cục sắt lên xe, E lấy cây cỏ ven đường phủ lên cục sắt để tránh bị phát hiện, cả hai mang cục sắt bán cho chị S cân được 55 kg, bán được 340.000 đồng, số tiền này E chia cho H 170.000 đồng, số còn lại E và H mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết.

Quá trình điều tra Lò Văn E còn khai nhận do nghiện ma túy không có tiền để mua ma túy sử dụng nên khi gặp bạn cùng nghiện chất ma túy có xe máy thì E rủ đi trộm cắp ở thủy điện N và công trường thủy điện P nhiều lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 8/2019 cùng với Lương Văn K, sinh năm 1989 trú tại thôn N, xã P, huyện V đi xe máy của K đến công trường thủy điện P trộm cắp sắt xoắn phi 16, phi 18 có chiều dài khoảng 1,6 đến 1,8m/cây, bán cho chị S được 120.000 đồng.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 4 ngày cùng Lương Văn K đi xe máy đến công trường của đập điều hòa thủy điện P, xã T trộm cắp được nhiều thanh sắt xoắn phi 16, phi 18 đã được uốn cong hình bán nguyệt bán cho chị S được 150.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng giữa tháng 8/2019 cùng Lương Văn T, sinh năm 1991 trú tại thôn N, xã P, huyện V đi xe mô tô của T đến công trường thủy điện P trộm cắp sắt xoắn phi 16, phi 18 có chiều dài khoảng 1,6 đến 1,8m/cây đem bán cho chị S được 120.000 đồng.

Lần thứ tư: Cuối tháng 8/2019 cùng Hoàng Văn T, sinh năm 1991 trú tại thôn N, xã P, huyện V đi xe mô tô của T đến khu vực thôn N dùng mỏ lết tháo ốc các thanh giằng cột điện cao thế lấy được 2 thanh sắt V7 dài 3,66m đem bán cho chị S được 300.000 đồng.

Lần thứ năm: Cùng ngày với lần thứ tư, E cùng T đến các chân cột điện cao thế của thủy điện N dùng mỏ lết của E tháo các bu lông, long đen ecu ở nhiều cột điện đem bán cho chị S được khoảng hơn 100.000 đồng.

Ngoài ra Lò Văn E còn cùng Cầm Ngọc T, sinh năm 1990 trú tại Bản M, xã T trộm cắp dây tiếp địa bằng đồng của trạm BTS của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel, vụ việc được chuyển đến Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng xử lý theo thẩm quyền.

Các lần trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền E và các đối tượng trên đem đi mua ma túy sử dụng hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 26/KLĐG ngày 23/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Chấn kết luận: “01 con sâu cốt pha bằng sắt phi 8 còn mới chưa qua sử dụng, bị mất trộm vào ngày 17/8/2019 có giá trị là 4000đ/1 chiếc. Tổng giá trị của 700 con sâu cốt pha bằng sắt phi 8 tại thời điểm bị mất trộm vào ngày 17/8/2019 là 2.800.000 đồng”.

Bản kết luận định giá tài sản số 34/KLĐG ngày 03/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Chấn kết luận: 100 kg sắt phi 16 và phi 18 của anh Nguyễn Bá An B mới mua vào tháng 6/2019 bị mất trộm vào tháng 8/2019 có giá trị qua khảo giá là : 650.000 đồng; 01 cục sắt khối tròn, nhiều cạnh, nặng 55kg của anh Nguyễn Bá An B mua tháng 5/2019 bị mất trộm vào tháng 8/2019 có giá trị qua khảo giá là: 357,500 đồng; 06 thanh giằng cột điện cao thế bằng sắt mạ, nhiều cạnh, chiều dài 3,66m, nặng 23kg/thanh, ký hiệu V7D511, tổng trọng lượng 138 kg của công ty thủy điện N, mua đầu năm 2017, bị mất trộm vào tháng 8/2019 có giá trị qua khảo giá là 3.726.000 đồng; Tổng số tiền bằng 4.733.500 đồng

Cáo trạng số: 59/CT-VKS-VC ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn truy tố Lò Văn E và Lò Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo; phạm tội gây thiệt hại không lớn theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

* Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Văn E và Lò Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn E từ 09 tháng đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra về việc trả lại: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu đen- vàng, biển kiểm soát 21K1- 261.62; số khung 3620EY155717; số máy JA36E0289657 tạm giữ của Lò Văn H, qua xác minh điều tra chiếc xe là tài sản của ông Lò Văn O trú tại thôn N, xã T, huyện V nên đã trả lại cho chủ sở hữu; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu trắng- đen- bạc, số máy HC12E7206036, số khung 1251FY206009; BKS 21K1-224.54 tạm giữ trong quá trình điều tra. Cơ quan điều tra đã trả cho bà Tòng Thị Đ trú tại thôn N, xã P, huyện V là chủ sở hữu là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Bá An B số tiền 3.157.500 đồng.

* Các bị cáo thành khẩn khai báo, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Bị hại Nguyễn Bá An B Yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 3.157.500 đồng.

* Ông Lò Văn O nhận lại xe mô tô HONDA, loại xe BLADE, màu đen-vàng, biển kiểm soát 21K1- 261.62, không có yêu cầu gì

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Văn Chấn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận về hành vi mình đã thực hiện, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lò Văn E và Lò Văn H là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân, vào ngày 17/8/2019 E rủ H đến công trường xây dựng đập điều hòa thủy điện P tại Bản C, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái để trộm cắp. Lợi dụng việc công trường không có người trông coi, E và H đã lén lút trộm cắp được 700 con sâu cốt pha phi 8, trị giá 2.800.000 đồng và 01 cục sắt khối tròn, nặng 55kg trị giá 357.500 đồng, sau đó đem bán cho chị Hà Thị S tại Bản L, xã H, huyện V được 540.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo E là người khởi xướng rủ bị cáo H đi trộm cắp tài sản đồng thời là người thực hành tích cực, còn bị cáo H là người thực hành tích cực. Do vậy, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo E sẽ cao hơn so bị cáo H. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hại không lớn nhưng đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong xã hội. Các bị cáo Lò Văn E và Lò Văn H đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Lò Văn E, Lò Văn H đều không có tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với cả 2 bị cáo

[5] Về nhân thân: Lò Văn E và Lò Văn H đều là người chưa có tiền án, tiền sự, nhưng các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy thể hiện các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu.

[6] Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giúp các bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo đều không có tài sản riêng, đều là những người nghiện ma túy. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu đen-vàng, biển kiểm soát 21K1- 261.62; số khung 3620EY155717; số máy JA36E0289657 tạm giữ của Lò Văn H, qua xác minh điều tra chiếc xe là tài sản của ông Lò Văn O trú tại thôn N, xã T, huyện V, ông O không biết việc H sử dụng xe để thực hiện tội phạm nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông O là đúng quy định pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu trắng- đen- bạc, số máy HC12E7206036, số khung 1251FY206009; BKS 21K1-224.54 tạm giữ trong quá trình điều tra. Qua xác minh đây là xe của bà Tòng Thị Đ trú tại thôn N, xã P, huyện V, bà Đ không biết Lương Văn T sử dụng xe để thực hiện tội phạm nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đ là đúng quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty cổ phần N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Bá An B yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá với số tiền là 3.157.500 đồng là có căn cứ. Xác định Lò Văn E và Lò Văn H cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, số tiền bán tài sản do trộm cắp mà có các bị cáo đã cùng nhau mua ma túy để sử dụng và tiêu sài hết. Do đó, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm bồi thường ngang bằng nhau. Căn cứ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Bá An B số tiền 3.157.500 đồng, trong đó phần của mỗi bị cáo là 1.579.000 đồng.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với các lần trộm cắp bị cáo Lò Văn E và các đối tượng Lương Văn K, Lương Văn T, Hoàng Văn T trộm cắp tài sản tại thủy điện N tại thôn N, xã P và công trường thủy điện P tại Bản C, xã T. Tuy nhiên, các lần trộm cắp tài sản của bị cáo Ẹt và các đối tượng trên có giá trị tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý hành chính đối với Lương Văn T và Lương Văn T là đúng quy định pháp luật. Các đối tượng K và T không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra tách ra để điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với hành vi trộm cắp dây tiếp địa bằng đồng trạm BTS của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel của Lò Văn E và Cẩm Ngọc T, vụ việc đã được chuyển đến cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng xử lý theo thẩm quyền.

Trong vụ án này còn có Hà Thị S là người đã mua số tài sản các bị cáo trộm cắp được, khi mua chị S không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự.

[11] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn E và Lò Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn E **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 05/10/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn H **08** (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 05/10/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo Lò Văn E và Lò Văn H phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Bá An B, số tiền là 3.157.500 đồng (ba triệu một trăm năm mươi bảy

ngàn năm trăm đồng). Trong đó phần của mỗi bị cáo là 1.579.000 đồng (*một triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng*)

Kể từ ngày anh Nguyễn Bá An B có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên mà các bị cáo Lò Văn E và Lò Văn H chậm thi hành thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lò Văn E, Lò Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại Nguyễn Bá An B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại Công ty cổ phần N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự ;
- THADS huyện Văn Chấn;
- CA huyện Văn Chấn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã T; xã P (thông báo);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Phú

